

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			1,002
1	Tiến sĩ			49
1.1	Tiến sĩ chính quy			49
1.1.1	Kinh doanh và quản lý			49
1.1.1.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh và quản lý	49
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
2	Thạc sĩ			953
2.1	Thạc sĩ chính quy			953
2.1.1	Nhân văn			58
2.1.1.1	Ngôn ngữ Anh	8220201	Nhân văn	58
2.1.2	Kiến trúc và xây dựng			0
2.1.2.1	Kiến trúc	8580101	Kiến trúc và xây dựng	0
2.1.3	Khoa học xã hội và hành vi			482
2.1.3.1	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học xã hội và hành vi	482
2.1.4	Kinh doanh và quản lý			389
2.1.4.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh và quản lý	178
2.1.4.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Kinh doanh và quản lý	88
2.1.4.3	Kế toán	8340301	Kinh doanh và quản lý	43
2.1.4.4	Quản lý công	8340403	Kinh doanh và quản lý	80
2.1.5	Máy tính và công nghệ thông tin			24
2.1.5.1	Kỹ thuật phần mềm	8480103	Máy tính và công nghệ thông tin	0
2.1.5.2	Hệ thống thông tin	8480104	Máy tính và công nghệ thông tin	0
2.1.5.3	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	24
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
B	ĐẠI HỌC			29,570
3	Đại học chính quy			27,606
3.1	Chính quy			27,440
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			27,440
3.1.2.1	Môi trường và bảo vệ môi trường			99
3.1.2.1.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Môi trường và bảo vệ môi trường	99
3.1.2.2	Công nghệ kỹ thuật			2,781
3.1.2.2.1	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật	712
3.1.2.2.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật	1,166
3.1.2.2.3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật	880
3.1.2.2.4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật	23
3.1.2.3	Pháp luật			874
3.1.2.3.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	874
3.1.2.4	Nghệ thuật			333
3.1.2.4.1	Thiết kế công nghiệp	7210402	Nghệ thuật	0
3.1.2.4.2	Thiết kế đồ họa	7210403	Nghệ thuật	333
3.1.2.5	Nhân văn			5,064
3.1.2.5.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	1,050
3.1.2.5.2	Ngôn ngữ Nga	7220202	Nhân văn	71
3.1.2.5.3	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	3,943

3.1.2.6	Kiến trúc và xây dựng			523
3.1.2.6.1	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc và xây dựng	122
3.1.2.6.2	Quản lý đô thị và công trình	7580106	Kiến trúc và xây dựng	122
3.1.2.6.3	Thiết kế nội thất	7580108	Kiến trúc và xây dựng	78
3.1.2.6.4	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	201
3.1.2.7	Khoa học xã hội và hành vi			1,089
3.1.2.7.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	879
3.1.2.7.2	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học xã hội và hành vi	210
3.1.2.8	Kinh doanh và quản lý			10,085
3.1.2.8.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	4,038
3.1.2.8.2	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	1,545
3.1.2.8.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	2,157
3.1.2.8.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	2,345
3.1.2.9	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			1,128
3.1.2.9.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	1,128
3.1.2.10	Máy tính và công nghệ thông tin			3,483
3.1.2.10.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	3,483
3.1.2.11	Sức khỏe			1,981
3.1.2.11.1	Y khoa	7720101	Sức khỏe	731
3.1.2.11.2	Dược học	7720201	Sức khỏe	386
3.1.2.11.3	Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	136
3.1.2.11.4	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Sức khỏe	728
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			93
3.2.1	Pháp luật			0
3.2.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	0
3.2.2	Kiến trúc và xây dựng			1
3.2.2.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	1
3.2.3	Kinh doanh và quản lý			11
3.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	6
3.2.3.2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	4
3.2.3.3	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	1
3.2.4	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
3.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
3.2.5	Máy tính và công nghệ thông tin			4
3.2.5.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	4
3.2.6	Sức khỏe			77
3.2.6.1	Y khoa	7720101	Sức khỏe	77
3.2.6.2	Dược học	7720201	Sức khỏe	0
3.2.6.3	Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			72
3.3.1	Pháp luật			2
3.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	2
3.3.2	Kiến trúc và xây dựng			1
3.3.2.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	1
3.3.3	Khoa học xã hội và hành vi			0
3.3.3.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học xã hội và hành vi	0
3.3.4	Kinh doanh và quản lý			28
3.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	20
3.3.4.2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	3

3.3.4.3	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	5
3.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			2
3.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	2
3.3.6	Máy tính và công nghệ thông tin			27
3.3.6.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	27
3.3.7	Sức khỏe			12
3.3.7.1	Y khoa	7720101	Sức khỏe	0
3.3.7.2	Dược học	7720201	Sức khỏe	0
3.3.7.3	Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	12
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			1
3.4.1	Pháp luật			0
3.4.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	0
3.4.2	Nhân văn			0
3.4.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	0
3.4.2.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	0
3.4.3	Kiến trúc và xây dựng			0
3.4.3.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	0
3.4.4	Kinh doanh và quản lý			0
3.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	0
3.4.4.2	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	0
3.4.5	Máy tính và công nghệ thông tin			1
3.4.5.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	1
3.4.6	Sức khỏe			0
3.4.6.1	Dược học	7720201	Sức khỏe	0
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			
4	Đại học vừa làm vừa học			1,964
4.1	Vừa làm vừa học			1,517
4.1.1	Pháp luật			424
4.1.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	424
4.1.2	Nhân văn			378
4.1.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	163
4.1.2.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	215
4.1.3	Kiến trúc và xây dựng			0
4.1.3.1	Quản lý đô thị và công trình	7580106	Kiến trúc và xây dựng	0
4.1.3.2	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	0
4.1.4	Khoa học xã hội và hành vi			358
4.1.4.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học xã hội và hành vi	358
4.1.5	Kinh doanh và quản lý			270
4.1.5.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	114
4.1.5.2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
4.1.5.3	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	156
4.1.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
4.1.6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
4.1.7	Máy tính và công nghệ thông tin			87
4.1.7.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	87
4.1.8	Sức khỏe			0
4.1.8.1	Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			16
4.2.1	Pháp luật			1

4.2.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	1
4.2.2	Kiến trúc và xây dựng			0
4.2.2.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	0
4.2.3	Kinh doanh và quản lý			14
4.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	8
4.2.3.2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
4.2.3.3	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	6
4.2.4	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
4.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
4.2.5	Máy tính và công nghệ thông tin			1
4.2.5.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	1
4.2.6	Sức khỏe			0
4.2.6.1	Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			18
4.3.1	Pháp luật			0
4.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	0
4.3.2	Kiến trúc và xây dựng			0
4.3.2.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	0
4.3.3	Khoa học xã hội và hành vi			7
4.3.3.1	Quản lý nhà nước	7310205	Khoa học xã hội và hành vi	7
4.3.4	Kinh doanh và quản lý			10
4.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	3
4.3.4.2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
4.3.4.3	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	7
4.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
4.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
4.3.6	Máy tính và công nghệ thông tin			1
4.3.6.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	1
4.3.7	Sức khỏe			0
4.3.7.1	Điều dưỡng	7720301	Sức khỏe	0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			413
4.4.1	Pháp luật			65
4.4.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	65
4.4.2	Nhân văn			334
4.4.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	306
4.4.2.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Nhân văn	28
4.4.3	Kiến trúc và xây dựng			0
4.4.3.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	0
4.4.4	Kinh doanh và quản lý			7
4.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	2
4.4.4.2	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	5
4.4.5	Máy tính và công nghệ thông tin			7
4.4.5.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	7
5	Từ xa			0
5.1	Kinh doanh và quản lý			0
5.1.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
5.1.2	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	0
5.2	Máy tính và công nghệ thông tin			0

5.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy			
6.1	Chính quy			
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy			
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học			
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			